

QUYẾT ĐỊNH

**Áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức
đối với sản phẩm thép mạ nhập khẩu**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Pháp lệnh số 20/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với sản phẩm thép mạ (còn gọi là tôn mạ) nhập khẩu vào Việt Nam, được phân loại theo mã HS: 7210.41.11; 7210.41.12; 7210.41.19; 7210.49.11; 7210.49.12; 7210.49.13; 7210.49.19; 7210.50.00; 7210.61.11; 7210.61.12; 7210.61.19; 7210.69.11; 7210.69.12; 7210.69.19; 7210.90.10; 7210.90.90; 7212.30.10; 7212.30.20; 7212.30.91; 7212.30.99; 7212.50.11; 7212.50.12; 7212.50.19; 7212.50.21; 7212.50.22; 7212.50.29; 7212.50.91; 7212.50.92; 7212.50.99; 7212.60.10; 7212.60.20; 7212.60.90; 7225.92.90; 7226.99.11; 7226.99.91, có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (bao gồm Hồng Kông) và Hàn Quốc

(mã vụ việc AD02) với nội dung chi tiết nêu trong Thông báo gửi kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trình tự thủ tục áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức được thực hiện theo pháp luật về chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam và pháp luật về thuế xuất nhập khẩu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh, Chánh văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, TTTT;
- Các Thứ trưởng;
- Tổng cục Hải quan;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Công Thương;
- Các Cục/Vụ: CNNG, XNK, ĐB, PC, KHCN;
- Cục Thuế XNK (Tổng cục Hải quan);
- Hiệp hội Thép Việt Nam;
- Lưu: VT, QLCT (04).

BỘ TRƯỞNG



Trần Tuấn Anh



THÔNG BÁO

V/v áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức

(Kèm theo Quyết định số **1105/QĐ-BCT** ngày **30** tháng 3 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Theo quy định tại Pháp lệnh số 20/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (Pháp lệnh 20) và Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh về chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, Bộ Công Thương thông báo nội dung chi tiết về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với sản phẩm thép mạ (còn gọi là tôn mạ) nhập khẩu có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (bao gồm Hồng Kông) (“Trung Quốc”) và Đại Hàn Dân quốc (“Hàn Quốc”) (mã vụ việc AD02) với nội dung chi tiết như sau:

1. Thông tin cơ bản

Ngày 03 tháng 3 năm 2016, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 818/QĐ-BCT về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá sản phẩm thép mạ nhập khẩu vào Việt Nam có xuất xứ từ Trung Quốc (bao gồm Hồng Kông) và Hàn Quốc.

Ngày 01 tháng 9 năm 2016, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3584/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời trong thời gian 120 ngày.

Ngày 03 tháng 3 năm 2017, Cơ quan điều tra (Cục Quản lý cạnh tranh) đã công bố kết luận cuối cùng về vụ việc điều tra và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cho Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ (“Hội đồng xử lý vụ việc”).

Ngày 21 tháng 3 năm 2017, theo quy định tại Điều 39 Nghị định 90, Hội đồng xử lý vụ việc đã thảo luận và biểu quyết về kết luận cuối cùng của Cơ quan điều tra với kết quả biểu quyết như sau:

- (1) Có tình trạng bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;
- (2) Có tình trạng ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể;
- (3) Có mối quan hệ giữa việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước.

2. Hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng thuế chống bán phá giá

Hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng thuế chống bán phá giá là thép mạ (còn gọi là tôn mạ): là một số sản phẩm thép cacbon cán phẳng ở dạng cuộn và không phải dạng cuộn, chứa hàm lượng cacbon dưới 0,60% tính theo trọng lượng, có tráng, mạ hay phủ kim loại chống gỉ như kẽm hoặc nhôm hoặc các hợp kim gốc sắt theo tất cả các phương pháp phủ kẽm hợp kim gốc sắt, bất kể độ dày và chiều rộng.

Các sản phẩm này thuộc các mã HS như sau: 7210.41.11; 7210.41.12; 7210.41.19; 7210.49.11; 7210.49.12; 7210.49.13; 7210.49.19; 7210.50.00; 7210.61.11; 7210.61.12; 7210.61.19; 7210.69.11; 7210.69.12; 7210.69.19; 7210.90.10; 7210.90.90; 7212.30.10; 7212.30.20; 7212.30.91; 7212.30.99; 7212.50.11; 7212.50.12; 7212.50.19; 7212.50.21; 7212.50.22; 7212.50.29; 7212.50.91; 7212.50.92; 7212.50.99; 7212.60.10; 7212.60.20; 7212.60.90; 7225.92.90; 7226.99.11; 7226.99.91 (tổng cộng 35 mã HS).

Các đặc tính cơ bản: Thép mạ, được phủ lớp kim loại, có đặc tính chống gỉ như chịu đựng phong hóa, ngoài ra có đặc tính kết dính và tạo hình tốt. Khả năng chống gỉ và các khả năng hữu ích khác của thép được tăng cường bằng tỷ lệ thích hợp hàm lượng cacbon và các thành phần khác trong lớp tính theo trọng lượng.

Mục đích sử dụng chính: Sản phẩm thép mạ được sử dụng làm vật liệu xây dựng, bộ phận xe ô tô, vách ngăn, khung lung tủ lạnh, vỏ máy vi tính, ống thông gió, vách sau máy điều hòa không khí, kim loại có tráng men, ống, đai thùng, đồ nội thất, cửa ra vào, thanh trượt, v.v. Thép mạ còn có thể được sử dụng làm vật liệu nền cho tôn mạ màu. Thép mạ có thể ứng dụng trong nhiều trường hợp khác nhau tùy theo yêu cầu của khách hàng về chất lượng, đặc tính vật lý, hạng và ứng dụng của sản phẩm.

Xuất xứ hàng hóa nhập khẩu: Hàng hóa bị áp dụng biện pháp thuế chống bán phá giá được nhập khẩu hoặc có xuất xứ từ: Trung Quốc (bao gồm Hồng Kông) và Hàn Quốc.

3. Thuế chống bán phá giá chính thức

Căn cứ kết luận điều tra cuối cùng của Cơ quan điều tra và kiến nghị của Hội đồng xử lý vụ việc, Bộ Công Thương quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với các nhà sản xuất/xuất khẩu của nước ngoài như sau:

Bảng 3.1: Mức thuế chống bán phá giá chính thức

Cột 1	Cột 2	Cột 3	Cột 4
TT	Tên nhà sản xuất/xuất khẩu	Các công ty thương mại	Mức thuế chống bán phá giá

Cột 1	Cột 2	Cột 3	Cột 4
TT	Tên nhà sản xuất/xuất khẩu	Các công ty thương mại	Mức thuế chống bán phá giá
1	Yieh Phui (China) Technomaterial Co., Ltd.	Chin Fong Metal Pte., Ltd.	3.17%
2	Bazhou Sanqiang Metal Products Co., Ltd.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sumec International Technology Co., Ltd. 2. Win Faith Trading Limited 3. Hangzhou Ciec International Co., Ltd. 4. Hangzhou Cogeneration (Hong Kong) Company Limited 5. Singapore (Cogeneration) Steel Pte. Ltd. 6. Rich Fortune Int'l Industrial Limited 7. China-Base Resources Ningbo Ltd. 8. Shanghai Nanta Industry Co., Ltd. 	26.36%
3	BX Steel POSCO Cold Rolled Sheet Co., Ltd.	Benxi Iron and Steel International Economic and Trading Co., Ltd.	38.34%
4	Bengang Steel Plates Co., Ltd.	Benxi Iron and Steel International Economic and Trading Co., Ltd.	27.36%
5	Tianjin Haigang Steel Coil Co., Ltd	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tianjin Haijinde Trading Co., Ltd. 2. Hangzhou Ciec International Co., Ltd. 3. Hangzhou Cogeneration (Hong Kong) Company Limited 4. Singapore (Cogeneration) Steel Pte. Ltd. 5. Sumec International Technology Co., Ltd. 6. Win Faith Trading Limited 7. Rich Fortune Int'l Industrial Limited 8. China-Base Resources Ningbo Ltd. 9. Chengtong International Limited 10. China Chengtong International Co., Ltd. 11. Sino Commodities International Pte. Ltd. 	26.32%

Cột 1	Cột 2	Cột 3	Cột 4
TT	Tên nhà sản xuất/xuất khẩu	Các công ty thương mại	Mức thuế chống bán phá giá
		12. Zhejiang Materials Industry International Co., Ltd. 13. Arsen International (HK) Limited 14. Shanghai Nanta Industry Co., Ltd.	
6	Hebei Iron & Steel Co., Ltd., Tangshan Branch	Tangshan Iron & Steel Group Co., Ltd.	38.34%
7	Wuhan Iron and Steel Company Limited	1. International Economic and Trading Corporation WISCO 2. Wugang Trading Company Limited 3. Ye-Steel Trading Co., Limited 4. Steelco Pacific Trading Limited	33.49%
8	Các nhà sản xuất/xuất khẩu khác của Trung Quốc		38.34%
9	POSCO	1. POSCO Daewoo Corporation 2. POSCO Asia 3. POSCO Processing & Service Co., Ltd 4. Samsung C&T Corporation	7.02%
10	Các nhà sản xuất/xuất khẩu khác của Hàn Quốc		19.00%

Theo Quyết định này, thuế chống bán phá giá được áp dụng cho các nhà sản xuất/xuất khẩu thuộc các nước/vùng lãnh thổ nêu trên thực hiện hoạt động xuất khẩu trực tiếp hoặc gián tiếp hàng hóa thuộc đối tượng áp thuế thông qua các doanh nghiệp thương mại vào Việt Nam.

Mức thuế chống bán phá giá xác định trong các trường hợp cụ thể như sau:

3.1. Trường hợp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) thể hiện hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc, Hồng Kông và Hàn Quốc

Nếu tên nhà xuất khẩu (dựa trên Hợp đồng mua bán hàng hóa) trùng với tên một trong các nhà sản xuất/xuất khẩu hoặc công ty thương mại nêu tại Cột 2, Cột 3 của Bảng 3.1 thì yêu cầu thương nhân nhập khẩu xuất trình Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (Mill-test Certificate) hoặc các giấy tờ tương

tự chứng minh tên nhà sản xuất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận nhà sản xuất):

(i) Nếu Giấy chứng nhận nhà sản xuất thể hiện tên nhà sản xuất trùng với tên một trong các công ty nêu tại Cột 2 của Bảng 3.1 thì mức thuế chống bán phá giá áp dụng sẽ là mức thuế dành cho các nhà sản xuất/xuất khẩu tương ứng tại Cột 4 Bảng 3.1.

(ii) Nếu Giấy chứng nhận nhà sản xuất không thể hiện nhà sản xuất là một trong các công ty nêu tại Cột 2 Bảng 3.1 thì mức thuế chống bán phá giá áp dụng sẽ là mức thuế dành cho các nhà sản xuất/xuất khẩu khác của Trung Quốc (bao gồm Hồng Kông) và Hàn Quốc. Cụ thể, mức thuế dành cho các nhà sản xuất/xuất khẩu khác của Trung Quốc (bao gồm Hồng Kông) là 38.34%. Mức thuế dành cho các nhà sản xuất/xuất khẩu khác của Hàn Quốc là 19.00%.

(iii) Nếu thương nhân nhập khẩu không xuất trình được Giấy chứng nhận nhà sản xuất thì mức thuế chống bán phá giá sẽ được áp dụng như tại mục (ii) nêu trên.

3.2. Trường hợp C/O thể hiện hàng hóa có xuất xứ từ các quốc gia/vùng lãnh thổ khác

Trường hợp C/O thể hiện hàng hóa được sản xuất tại một quốc gia/vùng lãnh thổ cụ thể không phải là Trung Quốc, Hồng Kông và Hàn Quốc thì không áp dụng thuế chống bán phá giá.

3.3. Trường hợp không có C/O

Trường hợp thương nhân không xuất trình được C/O phù hợp để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, mức thuế chống bán phá giá áp dụng sẽ là mức thuế cao nhất là 38.34%.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức

Thuế chống bán phá giá sẽ được áp dụng trong vòng 05 năm kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Sau một năm kể từ ngày có Quyết định có hiệu lực, các bên liên quan có quyền yêu cầu rà soát thuế chống bán phá giá theo quy định tại Điều 24 Pháp lệnh 20.

Thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá có thể được gia hạn căn cứ theo quy định tại Chương IV Pháp lệnh 20.

5. Mức chênh lệch thuế chống bán phá giá

Căn cứ Điều 23 Pháp lệnh 20:

- Trong trường hợp mức chênh lệch thuế chống bán phá giá tại Cột (3) Bảng 5.1 nhỏ hơn 0 (không), doanh nghiệp được hoàn lại khoản chênh lệch thuế chống bán phá giá đã nộp.

- Trong trường hợp mức chênh lệch thuế chống bán phá giá tại Cột (3) Bảng 5.1 lớn hơn hoặc bằng 0 (không), doanh nghiệp không bị truy thu khoản chênh lệch thuế chống bán phá giá.

Bảng 5.1: Chênh lệch mức thuế chống bán phá giá chính thức và tạm thời

TT	Tên nhà sản xuất/xuất khẩu	Các công ty thương mại	Mức thuế chống bán phá giá tạm thời (1)	Mức thuế chống bán phá giá chính thức (2)	Mức chênh lệch thuế chống bán phá giá (3) = (2) - (1)
1	Yieh Phui (China) Technomaterial Co., Ltd.	Chin Fong Metal Pte., Ltd.	4.02%	3.17%	-0.85
2	Bazhou Sanqiang Metal Products Co., Ltd.	1. Sumec International Technology Co., Ltd. 2. Win Faith Trading Limited 3. Hangzhou Ciec International Co., Ltd. 4. Hangzhou Cogeneration (Hong Kong) Company Limited 5. Singapore (Cogeneration) Steel Pte. Ltd. 6. Rich Fortune Int'l Industrial Limited 7. China-Base Resources Ningbo Ltd. 8. Shanghai Nanta Industry Co., Ltd.	7.20%	26.36%	19.16
3	BX Steel POSCO Cold Rolled Sheet Co., Ltd.	Benxi Iron and Steel International Economic and Trading Co., Ltd.	38.34%	38.34%	0
4	Bengang Steel Plates Co., Ltd.	Benxi Iron and Steel International Economic and Trading Co., Ltd.	34.77%	27.36%	-7.41
5	Tianjin Haigang Steel Coil Co., Ltd.	1. Tianjin Haijinde Trading Co., Ltd. 2. Hangzhou Ciec International Co., Ltd. 3. Hangzhou Cogeneration (Hong Kong) Company Limited 4. Singapore (Cogeneration) Steel Pte. Ltd.	11.87%	26.32%	14.45

TT	Tên nhà sản xuất/xuất khẩu	Các công ty thương mại	Mức thuế chống bán phá giá tạm thời (1)	Mức thuế chống bán phá giá chính thức (2)	Mức chênh lệch thuế chống bán phá giá (3) = (2) - (1)
		5. Sumec International Technology Co., Ltd. 6. Win Faith Trading Limited 7. Rich Fortune Int'l Industrial Limited 8. China-Base Resources Ningbo Ltd. 9. Chengtong International Limited 10. China Chengtong International Co., Ltd. 11. Sino Commodities International Pte. Ltd. 12. Zhejiang Materials Industry International Co., Ltd. 13. Arsen International (HK) Limited 14. Shanghai Nanta Industry Co., Ltd.			
6	Hebei Iron & Steel Co., Ltd., Tangshan Branch	Tangshan Iron & Steel Group Co., Ltd.	20.76%	38.34%	17.58
7	Wuhan Iron and Steel Company Limited	1. International Economic and Trading Corporation WISCO 2. Wugang Trading Company Limited 3. Ye-Steel Trading Co., Limited 4. Steelco Pacific Trading Limited	25.63%	33.49%	7.86
8	Các nhà sản xuất/xuất khẩu khác của Trung Quốc		38.34%	38.34%	0
9	POSCO	1. POSCO Daewoo Corporation 2. POSCO Asia 3. POSCO Processing & Service Co., Ltd 4. Samsung C&T Corporation	12.40%	7.02%	-5.38
10	Các nhà sản xuất/xuất khẩu khác của Hàn Quốc		19.00%	19.00%	0

6. Thủ tục tiếp theo

Sau khi biện pháp chống bán phá giá chính thức có hiệu lực, Tổng cục Hải quan Việt Nam sẽ tiến hành áp dụng mức thuế chống bán phá giá với hàng hóa bị điều tra từ các nhà sản xuất/xuất khẩu thuộc các nước/vùng lãnh thổ trong phạm vi vụ việc điều tra này theo các mức thuế cụ thể được liệt kê tại Mục 3 của Thông báo này.

Trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu cho rằng sản phẩm nhập khẩu có mã HS nêu tại Mục 2 nhưng không thuộc phạm vi hàng hóa bị điều tra, doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ yêu cầu xem xét trong giai đoạn rà soát lần thứ nhất của vụ việc. Thông tin cụ thể có thể liên hệ với Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công Thương để được làm rõ.

7. Thông tin liên hệ

Thông tin về Quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với hàng hóa thuộc đối tượng điều tra có thể truy cập tại trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương (<http://www.moit.gov.vn>) và Cục Quản lý cạnh tranh (<http://www.vca.gov.vn> hoặc <http://www.qlct.gov.vn>).

Trong trường hợp các bên liên quan có thắc mắc hoặc yêu cầu liên quan đến vụ việc xin gửi về:

Phòng Điều tra vụ kiện phòng vệ thương mại của doanh nghiệp trong nước - Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công Thương

Địa chỉ: 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84 4) 222.05002 (Máy lẻ: 1039) hoặc (+84 4) 222.05018

Điều tra viên phụ trách vụ việc:

Nguyễn Thị Nguyệt Nga: ngantn@moit.gov.vn

Vũ Quỳnh Giao: giaovq@moit.gov.vn
